TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **143**/2023/DS-ST
Ngày: 27/7/2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**
2. Ông **Nguyễn Phước Tường**
- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Kim Liêu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày **27** tháng **7** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2023/TLST-DS ngày 23/5/2023 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết Đđưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-DS ngày 30/6/2023 giữa các đương sự:

*** <u>Nguyên đơn</u>**: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1950.
Đại diện ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1981
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, Tỉnh T.
(Văn bản uỷ quyền ngày 18/5/2023)
*** <u>Bị đơn</u>**: 1/ Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1976.
2/ Chị **Đặng Ngọc G**, sinh năm 1979.
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.
(Anh có mặt; anh T và chị G vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/5/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ với vợ chồng anh T và chị G là quan hệ mẹ con, ngày 03/4/2021 anh T, chị G vay 25 chỉ vàng 24k và ngày 06/6/2021 anh T, chị G vay thêm 20 chỉ vàng 24K và số tiền 30.000.000 đồng, không lãi, có giấy biên nhận nợ và hứa đến cuối năm 2022 sẽ trả lại cho bà Đ đủ số vàng, tiền nêu trên (hứa bằng lời nói). Đến hẹn bà Đ có yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng anh T, chị G chưa

trả.

Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Ngọc G có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Đ45 chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 14/6/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đặng Ngọc G và anh Nguyễn Văn T trình bày:

Chị G và anh T thừa nhận có vay mượn bà Đ 02 lần tổng cộng 45 chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ. Nay anh T và chị G đồng ý trả cho bà Đ 45 chỉ vàng 24k và 30.000.000 đồng, nhưng xin trả dần lần 01 cuối năm 2023 trả 05 chỉ vàng 24k; lần 02 cuối năm 2024 trả 05 chỉ vàng 24K; lần 03 vào cuối năm 2025 trả hết số vàng còn lại là 35 chỉ vàng 24K và số tiền 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị Đặng Ngọc G ngày 25/7/2023 có đơn xin hoãn phiên toà xét xử ngày 27/7/2023 lý do phải đưa anh Nguyễn Văn T đi khám bệnh không đến dự toà theo giấy triệu tập. Xét, toà án đã tống đạt đầy đủ giấy triệu tập cho anh T và chị G tham dự phiên toà lần thứ hai, theo tài liệu giấy hẹn khám bệnh chị G nộp thì bác sĩ có lịch hẹn ngày tái khám là ngày 16/8/2023, nên lý do xin hoãn phiên toà ngày 27/7/2023 là không có cơ sở để chấp nhận. Do bị đơn anh T và chị G vắng mặt lần hai không lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T và chị G theo quy Đtại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Đ yêu cầu vợ chồng anh T và chị G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ 45 chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng. Bị đơn anh T và chị G đồng ý trả nhưng xin được trả dần. Xét, bị đơn anh T và chị G thừa nhận số nợ và đồng ý trả cho bà Đ 45 chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng, nên lời thừa nhận nợ của anh T và chị G đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, bà Đ yêu cầu vợ chồng anh T và chị G có nghĩa vụ liên đới trả 45 chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Tại phiên toà do bị đơn vắng mặt, nên hai bên không thỏa thuận về thời gian trả số tiền và vàng. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền này do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đcăn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, nên buộc anh T và chị G phải liên đới chịu án phí. Lấy giá vàng tại thời điểm xét xử 5.200.000 đồng/01 chỉ vàng 24k để làm căn cứ tính án phí.

Số tiền án phí anh T và chị G phải liên đới chịu: [(45 chỉ vàng 24k x 5.200.000 đồng/01 chỉ) + 30.000.000 đồng] x 5% = 13.200.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Ngọc G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ 45 (bốn mươi lăm) chỉ vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Ngọc G phải liên đới chịu 13.200.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Ngọc G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy Đtại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe